TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh

Ông Nguyễn Phú Hữu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2023, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 185/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số A, P, tổ H, Khóm A, Phường D, thành phố C, Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Ngô H , sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Đình C, tổ D, khóm M, Phường C, thành phố C, Đồng Tháp. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:*

Chị T và anh Ngô H , tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C1, thành phố C vào ngày 03/01/2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm, sang năm thứ 4 thì anh H ăn chơi gây nợ, chủ nợ thường xuyên đến nhà đòi nợ hoặc gặp chị T thì yêu cầu trả nợ cho anh H. Từ chuyện tiền bạc, vợ chồng thường cãi nhau, dần dần tình

cảm vợ chồng rạn nứt. Chị T phải đi làm lo trả nợ cho anh H; từ 7 năm nay, anh H không thể hiện trách nhiệm trong gia đình, đi làm bao nhiêu tiền chị T không biết, không cùng chị T lo chi tiêu trong nhà, một mình chị T lo đi làm nuôi con. Anh H còn thường đi nhậu, nên vợ chồng cũng thường cãi nhau về việc này. Chị T có khuyên giải nhưng anh H không sửa đổi, nên từ mùng 6 Tết năm 2023 đến nay, chị T đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không có hạnh phúc, nhiều áp lực trong hôn nhân nên chị T xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Lê Ngọc P, sinh ngày 24/02/2015. Hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không cho ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Ngô H không gửi văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Ngô H , yêu cầu được nuôi con chung; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Ngô H có địa chỉ tại Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ngô H anh Ngô H không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ngô H.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh H1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường C1, thành phố C vào ngày 03/01/2013 (Số: 03/2013, quyển số 01/2013) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh H.

Chị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không quan tâm gia đình, không phụ giúp về kinh tế trong gia đình...như chị T đã trình bày, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, làm cho tình cảm của chị T đối với anh H không còn. Mặc dù được cha mẹ hai bên khuyên giải, nhưng giữa chị T và anh H không tìm được cách hàn gắn tình cảm, nên đã sống ly thân từ Tết âm lịch năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H có hứa với chị T sẽ sửa đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do đó, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích xây dựng gia đình không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng, nhưng anh H1 không có mặt tại phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ anh H bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí để đoàn tụ gia đình với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…"*

Tuy nhiên, theo như chị T trình bày, anh H không thể hiện được trách nhiệm của mình trong gia đình, không quan tâm, chia sẽ, cùng nhau gánh vác trách nhiệm gia đình với chị T. Mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài khoảng 7 năm, đã sống ly thân được một thời gian, nhưng anh chị không tìm được cách để dung hòa, hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống chung của vợ chồng chị T, anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung của chị T, anh H1 là cháu Ngô Lê Ngọc P, sinh ngày 24/02/2015. Hiện đang sống chung với chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu P có văn bản ý kiến trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T. Chị T trình bày hiện chị đang là nhân viên bán hàng, thu nhập khoảng 8.500.000 đồng/tháng, đủ để nuôi con, cháu học bán trú trong trường nên chị T cũng thuận tiện cho việc đưa rước, ngoài ra còn được nhà ngoại giúp đỡ trong việc chăm sóc cháu. Ngoài ra, cháu P là con gái, giao cho mẹ chăm sóc sẽ thuận tiện trong việc phát triển tâm sinh lý của cháu. Nên giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí:* Chị T phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh T.

- Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Ngô H.

2/ Về con chung:

Giao con chung là cháu Ngô Lê Ngọc P, sinh ngày 24/02/2015 cho chị Lê Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Ngô H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012428 ngày 09/6/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Lê Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND phường 3, TPCL, (Số 03, quyển số 01/2013, ngày 03/01/2013);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Phương Hồng